

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG KHAI DANH SÁCH TẶNG QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ NĂM 2026 THEO
NGHỊ QUYẾT 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI
PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRƯỜNG TÂN**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
I	Nhóm A4 = 02							
1	Đoàn Quý	1947	Cao Duệ	PBT TT đảng ủy huyện	PBT TT đảng ủy huyện	A4	4,000,000	
2	Phạm Thị Công	1933	Minh Tân	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương	A4	4,000,000	
II	Nhóm A5 = 02							
1	Nguyễn Trọng Thùy	1958	Côi Thượng	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy	A5	3,000,000	
2	Phạm Đăng Tăng	1961	An Cư 2	UV BTV, chỉ huy trưởng QS huyện	UV BTV, chỉ huy trưởng QS huyện	A5	3,000,000	
II	Nhóm C4 = 01							
1	Phạm Văn Hà	1968	Cao Duệ	Đại tá, Phó chỉ huy trưởng QS huyện	BCHQS huyện Thanh Miện	C4	650,000	
III	Nhóm D1 = 01							
1	Phạm Quốc Tụ	1922	Hậu Bông			D1	2,000,000	
IV	Nhóm D2 = 15							
1	Nguyễn Đức Điện	1936	Cầu Lâm			D2	1,000,000	
2	Trần Văn Hồng	1939	Quang Bị			D2	1,000,000	
3	Trần Thị Phương	1928	Côi Thượng			D2	1,000,000	
4	Phạm Văn Cừ	1932	Côi Thượng			D2	1,000,000	
5	Hoàng Xuân Linh	1927	Côi Thượng			D2	1,000,000	
6	Trịnh Xuân Khiêm	1930	Côi Thượng			D2	1,000,000	

7	Nguyễn Bách Tài	1937	Nam Cầu 1			D2	1,000,000	
8	Phạm Thanh Giang	1935	Thị Đức			D2	1,000,000	
9	Phạm Văn Hương	1933	Thị Đức			D2	1,000,000	
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VNĐ)	Ghi chú
10	Phạm Thanh Cừ	1939	An Cư 2			D2	1,000,000	
11	Trần Quốc Toán	1933	An Cư 2			D2	1,000,000	
12	Phạm Văn Phao	1934	An Vệ			D2	1,000,000	
13	Phạm Thị Thán	1932	Thọ Xương			D2	1,000,000	
14	Phạm Trung Giã	1938	Hậu Bông			D2	1,000,000	
15	Nguyễn Văn Hiệp	1937	Hậu Bông			D2	1,000,000	
V	Nhóm D3 = 131							
1	Hoàng Minh Viễn	1947	Cầu Lâm			D3	800,000	
2	Vương Thị Nhung	1931	Cầu Lâm			D3	800,000	
3	Đỗ Văn Sứ	1936	Cầu Lâm			D3	800,000	
4	Dương Thanh Tùng	1949	Quang Bị			D3	800,000	
5	Hà Thị Tâm	1936	Quang Bị			D3	800,000	
6	Vũ Văn Bẩy	1947	Quang Bị			D3	800,000	
7	Nguyễn Văn Duyệt	1940	Quang Bị			D3	800,000	
8	Nguyễn Đức Tấu	1949	Côi Thượng			D3	800,000	
9	Nguyễn Thị Ngoan	1941	Côi Thượng			D3	800,000	
10	Nguyễn Thị Từ	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
11	Nguyễn Đức Tuyển	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
12	Hoàng Thị Hiến	1935	Côi Thượng			D3	800,000	
13	Nguyễn Thị Nhật	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
14	Phùng Quang Sự	1945	Côi Hạ			D3	800,000	
15	Nguyễn Văn Dền	1939	Côi Hạ			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
16	Phạm Thị Là	1949	Nam Cầu 1			D3	800,000	
17	Phùng Danh Nhự	1945	Nam Cầu 1			D3	800,000	
18	Nguyễn Văn Sản	1939	Nam Cầu 1			D3	800,000	
19	Phùng Duy Chiến	1942	Nam Cầu 1			D3	800,000	
20	Phùng Danh Nghìn	1936	Nam Cầu 1			D3	800,000	
21	Phùng Danh Chuyên	1947	Nam Cầu 1			D3	800,000	
22	Phùng Danh Bột	1940	Nam Cầu 2			D3	800,000	
23	Vũ Duy Nét	1947	Nam Cầu 2			D3	800,000	
24	Đoàn Thạch Cương	1949	Nam Cầu 2			D3	800,000	
25	Nguyễn Thị Chạnh	1943	Nam Cầu 2			D3	800,000	
26	Nguyễn Xuân Sầm	1941	Nam Cầu 2			D3	800,000	
27	Nguyễn Thị Nhũn	1937	Nam Cầu 2			D3	800,000	
28	Nguyễn Văn Ngật	1933	Nam Cầu 2			D3	800,000	
29	Nguyễn Thị Nhọt	1948	Cao Duệ			D3	800,000	
30	Phạm Ngọc Kim	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
31	Nguyễn Vũ Trụ	1941	Cao Duệ			D3	800,000	
32	Nguyễn Văn Thiều	1936	Cao Duệ			D3	800,000	
33	Đào Văn Giao	1932	Cao Duệ			D3	800,000	
34	Phạm Văn Đẩu	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
35	Đỗ Thị Sái	1934	Cao Duệ			D3	800,000	
36	Nguyễn Thị Xuân	1949	Cao Duệ			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
37	Nguyễn Hải Đảo	1946	Cao Duệ			D3	800,000	
38	Ngô Quang Cảnh	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
39	Nguyễn Duy Hiền	1947	Cao Duệ			D3	800,000	
40	Mai Văn Tuyển	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
41	Phạm Ngọc Thảng	1941	Cao Duệ			D3	800,000	
42	Phạm Văn Sánh	1948	Cao Duệ			D3	800,000	
43	Phạm Thị Bằng	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
44	Đỗ Thị Nội	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
45	Nguyễn Thị Chén	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
46	Ngô Thị Thom	1934	Cao Duệ			D3	800,000	
47	Nguyễn Thị Hòa	1942	Cao Duệ			D3	800,000	
48	Lưu Thị Tuyn	1934	Cao Duệ			D3	800,000	
49	Trịnh Thị Nữ	1936	Cao Duệ			D3	800,000	
50	Phan Thị Hoa	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
51	Nguyễn Thị Thuần	1939	Cao Duệ			D3	800,000	
52	Trịnh Xuân Nghiễn	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
53	Trịnh Hưng Ngẫu	1942	Cao Duệ			D3	800,000	
54	Nguyễn Thị Vang	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
55	Nguyễn Hữu Hùng	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
56	Nguyễn Đức Kiểm	1950	Cao Duệ			D3	800,000	
57	Lê Thanh Hải	1949	Thị Đức			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
58	Nguyễn Đình Tuyển	1949	Thị Đức			D3	800,000	
59	Nguyễn Văn Huân	1951	Thị Đức			D3	800,000	
60	Trương Thị Miêu	1944	Thị Đức			D3	800,000	
61	Vũ Đình Đồi	1935	Thị Đức			D3	800,000	
62	Trương Đức Thiệu	1941	Thị Đức			D3	800,000	
63	Nguyễn Văn Vương	1944	Thị Đức			D3	800,000	
64	Lã Thị Lộc	1945	Thị Đức			D3	800,000	
65	Lã Thị Sáu	1940	Thị Đức			D3	800,000	
66	Nguyễn Thị Dịu	1948	Đôn Thụ			D3	800,000	
67	Nguyễn Văn Ngàn	1946	Đôn Thụ			D3	800,000	
68	Phùng Thị Chút	1942	Đôn Thụ			D3	800,000	
69	Phạm Văn Hồng	1946	Đôn Thụ			D3	800,000	
70	Hoàng Đức Khải	1948	An Thụ			D3	800,000	
71	Bùi Xuân Tạo	1937	An Thụ			D3	800,000	
72	Phạm Văn Thang	1945	An Thụ			D3	800,000	
73	Vũ Thị Luật	1946	An Thụ			D3	800,000	
74	Phạm Đăng Mai	1937	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
75	Phạm Quang Vinh	1947	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
76	Nguyễn Thị Năm	1944	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
77	Vũ Văn Kệ	1939	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
78	Phạm Đắc Hưu	1947	Vĩnh Duệ			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
79	Phạm Thị Dèo	1940	Quang Tiền			D3	800,000	
80	Phạm Văn Bảy	1937	Quang Tiền			D3	800,000	
81	Phạm Thị Hải	1942	Quang Tiền			D3	800,000	
82	Phạm Đắc Hoan	1931	Đông Trại			D3	800,000	
83	Trần Văn Tân	1940	Đông Hạ			D3	800,000	
84	Phạm Văn Càn	1946	Đông Hạ			D3	800,000	
85	Mai Xuân Trãi	1940	Đông Thượng			D3	800,000	
86	Phạm Văn Dọc	1947	An Cư 1			D3	800,000	
87	Phạm Hồng Xuân	1940	An Cư 1			D3	800,000	
88	Đỗ Xuân Mai	1942	An Cư 1			D3	800,000	
89	Phạm Văn Khanh	1941	An Cư 1			D3	800,000	
90	Phạm Quý Trác	1938	An Cư 1			D3	800,000	
91	Nguyễn Thị Mái	1940	An Cư 1			D3	800,000	
92	Lê Văn Hạ	1936	An Cư 1			D3	800,000	
93	Nguyễn Thị Thanh Mai	1949	An Cư 1			D3	800,000	
94	Phạm Văn Triết	1947	An Cư 1			D3	800,000	
95	Phạm Thị Lào	1947	An Cư 1			D3	800,000	
96	Phạm Thị Viêt	1942	An Cư 1			D3	800,000	
97	Phạm Thị Hòa	1947	An Cư 1			D3	800,000	
98	Phạm Xuân Cấn	1933	An Cư 2			D3	800,000	
99	Phạm Thanh Hùng	1947	An Cư 2			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
100	Phạm Sỹ Ân	1935	An Cư 2			D3	800,000	
101	Phạm Thị Thoi	1946	An Cư 2			D3	800,000	
102	Phạm Văn Chuyên	1937	An Cư 2			D3	800,000	
103	Tạ Thị Yếm	1939	An Cư 2			D3	800,000	
104	Phạm Văn Ngẫu	1941	An Cư 2			D3	800,000	
105	Nguyễn Thị Tươi	1948	An Cư 2			D3	800,000	
106	Phạm Hữu Sự	1942	An Cư 2			D3	800,000	
107	Phạm Đình Hánh	1947	An Vệ			D3	800,000	
108	Phạm Thị Chải	1932	An Vệ			D3	800,000	
109	Phạm Ngọc Dĩnh	1948	An Vệ			D3	800,000	
110	Phạm Văn Đình	1943	Thọ Xương			D3	800,000	
111	Phạm Thị Lách	1951	Thọ Xương			D3	800,000	
112	Phạm Công Đồng	1948	Thọ Xương			D3	800,000	
113	Nguyễn Công Diễm	1936	Thọ Xương			D3	800,000	
114	Phạm Văn Cao	1936	Thọ Xương			D3	800,000	
115	Phạm Huy Tường	1944	Thọ Xương			D3	800,000	
116	Phạm Quốc Thao	1949	Thọ Xương			D3	800,000	
117	Phạm Công Quảng	1945	Hậu Bông			D3	800,000	
118	Nguyễn Văn Tài	1944	Hậu Bông			D3	800,000	
119	Vũ Đình Trọng	1949	Hậu Bông			D3	800,000	
120	Vũ Đình Các	1943	Hậu Bông			D3	800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
121	Đào Thị Lựu	1945	Hậu Bông			D3	800,000	
122	Vũ Văn Khuong	1944	Hậu Bông			D3	800,000	
123	Nguyễn Thị Nhung	1944	Hậu Bông			D3	800,000	
124	Phạm Văn Thái	1943	Hậu Bông			D3	800,000	
125	Vũ Thị Thià	1924	Hậu Bông			D3	800,000	
126	Nguyễn Công Quý	1941	Hậu Bông			D3	800,000	
127	Nguyễn Trọng Khởi	1947	Hậu Bông			D3	800,000	
128	Phạm Công Nhẫn	1942	Hậu Bông			D3	800,000	
129	Nguyễn Văn Chúé	1931	Hậu Bông			D3	800,000	
130	Phạm Thị Gồm	1945	Hậu Bông			D3	800,000	
131	Nguyễn Văn Quón	1947	Minh Tân			D3	800,000	
VI	Nhóm D4 = 174							
1	Nguyễn Đức Khải	1955	Cầu Lâm			D4	700,000	
2	Nguyễn Đức Tại	1948	Cầu Lâm			D4	700,000	
3	Phạm Thị Lượng	1953	Cầu Lâm			D4	700,000	
4	Hoàng Thanh Cúc	1950	Cầu Lâm			D4	700,000	
5	Hoàng Đình Tiếp	1948	Cầu Lâm			D4	700,000	
6	Nguyễn Đức Mệnh	1954	Cầu Lâm			D4	700,000	
7	Nguyễn Bá Đức	1956	Quang Bị			D4	700,000	
8	Đỗ Văn Hội	1961	Quang Bị			D4	700,000	
9	Nguyễn Văn Lúa	1950	Quang Bị			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
10	Nguyễn Văn Hoan	1946	Quang Bị			D4	700,000	
11	Dương Đình Vân	1949	Quang Bị			D4	700,000	
12	Vũ Mạnh Tiến	1941	Quang Bị			D4	700,000	
13	Phạm Xuân Yên	1956	Côi Thượng			D4	700,000	
14	Phạm Văn Vũ	1950	Côi Thượng			D4	700,000	
15	Ngô Văn Hoè	1957	Côi Thượng			D4	700,000	
16	Phạm Văn Bảo	1956	Côi Hạ			D4	700,000	
17	Hoàng Văn Vui	1946	Côi Hạ			D4	700,000	
18	Nguyễn Minh Kết	1952	Nam Cầu 1			D4	700,000	
19	Nguyễn Thái Nhật	1955	Nam Cầu 1			D4	700,000	
20	Hoàng Văn Nhuận	1957	Nam Cầu 2			D4	700,000	
21	Nguyễn Xuân Tiếp	1950	Nam Cầu 2			D4	700,000	
22	Nguyễn Văn Trình	1960	Nam Cầu 2			D4	700,000	
23	Phùng Đình Vần	1954	Nam Cầu 2			D4	700,000	
24	Hoàng Văn Lượng	1956	Nam Cầu 2			D4	700,000	
25	Nguyễn Thị Nụ	1955	Nam Cầu 2			D4	700,000	
26	Phạm Doanh Mai	1958	Nam Cầu 2			D4	700,000	
27	Hoàng Văn Thành	1946	Cao Duệ			D4	700,000	
28	Đào Duy Bốn	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
29	Đỗ Văn Nhũ	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
30	Đỗ Tiến Tại	1956	Cao Duệ			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
31	Đoàn Ka Lại	1956	Cao Duệ			D4	700,000	
32	Hoà Quang Mùi	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
33	Đoàn Văn Hai	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
34	Phạm Văn Hương	1958	Cao Duệ			D4	700,000	
35	Phạm Thanh Chi	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
36	Đoàn Thị Nhữ	1952	Cao Duệ			D4	700,000	
37	Ngô Văn Hương	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
38	Đoàn Văn Ba	1953	Cao Duệ			D4	700,000	
39	Nguyễn Thị Len	1959	Cao Duệ			D4	700,000	
40	Vũ Trung Kiên	1952	Cao Duệ			D4	700,000	
41	Đào Văn Hoàn	1940	Cao Duệ			D4	700,000	
42	Đặng Thị Hương	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
43	Phan Thanh Hòa	1958	Cao Duệ			D4	700,000	
44	Nguyễn Trọng Tước	1958	Cao Duệ			D4	700,000	
45	Trịnh Xuân Huyền	1949	Cao Duệ			D4	700,000	
46	Trịnh Văn Chức	1948	Cao Duệ			D4	700,000	
47	Nguyễn Thị Thắng	1960	Cao Duệ			D4	700,000	
48	Nguyễn Tiến Dũng	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
49	Trương Đình Phòng	1955	Thị Đức			D4	700,000	
50	Đỗ Xuân Chính	1956	Thị Đức			D4	700,000	
51	Trương Đình hy	1956	Thị Đức			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
52	Vũ Thanh Nha	1952	Thị Đức			D4	700,000	
53	Vũ mạnh Thường	1950	Thị Đức			D4	700,000	
54	Vũ Đình Thị	1951	Thị Đức			D4	700,000	
55	Trương Xuân Tuyển	1952	Thị Đức			D4	700,000	
56	Nguyễn Quốc Thời	1956	Thị Đức			D4	700,000	
57	Vũ Thanh Doan	1954	Thị Đức			D4	700,000	
58	Trương Đức Tàu	1960	Đôn Thụ			D4	700,000	
59	Vũ Quang Học	1956	Đôn Thụ			D4	700,000	
60	Trương Thanh nam	1955	An Thụ			D4	700,000	
61	Nguyễn Đức Đào	1953	An Thụ			D4	700,000	
62	Tạ Thị Miên	1948	An Thụ			D4	700,000	
63	Phạm Lương Thiện	1939	An Thụ			D4	700,000	
64	Nguyễn Văn Khắc	1953	An Thụ			D4	700,000	
65	Nguyễn Văn Tiêm	1955	An Thụ			D4	700,000	
66	Nguyễn Văn Thà	1956	An Thụ			D4	700,000	
67	Nguyễn Văn Càng	1946	An Thụ			D4	700,000	
68	Đỗ Thành Nghiệm	1951	An Thụ			D4	700,000	
69	Vũ Thị Thảng	1959	An Thụ			D4	700,000	
70	Trần Quốc Phong	1954	An Thụ			D4	700,000	
71	Phạm Thị Nụ	1957	An Thụ			D4	700,000	
72	Trần Văn Ảnh	1949	An Thụ			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
73	Phạm Đăng Sinh	1958	An Thư			D4	700,000	
74	Phạm Bá Quang	1947	Vĩnh Duệ			D4	700,000	
75	Nguyễn Văn Lý	1952	Vĩnh Duệ			D4	700,000	
76	Trần Văn Bin	1955	Quang Tiên			D4	700,000	
77	Phạm Thanh Bình	1947	Đông Hạ			D4	700,000	
78	Phạm Cao Sơn	1957	Đông Hạ			D4	700,000	
79	Phạm Đăng Tú	1952	Đông Hạ			D4	700,000	
80	Phạm Văn Động	1950	Đông Hạ			D4	700,000	
81	Phạm Quý Thụy	1949	Đông Thượng			D4	700,000	
82	Phạm Văn Ngo	1950	Đông Thượng			D4	700,000	
83	Trần Văn Quán	1955	An Cư 1			D4	700,000	
84	Phạm Văn Thú	1955	An Cư 1			D4	700,000	
85	Phạm Đăng Sênh	1954	An Cư 1			D4	700,000	
86	Phạm Quý Quang	1949	An Cư 2			D4	700,000	
87	Nguyễn Hữu Bất	1955	An Cư 2			D4	700,000	
88	Nguyễn Xuân Đài	1957	An Cư 2			D4	700,000	
89	Nguyễn Xuân Ngừng	1948	An Cư 2			D4	700,000	
90	Vũ Văn Trang	1952	An Cư 2			D4	700,000	
91	Nguyễn Văn Hồng	1950	An Cư 2			D4	700,000	
92	Đình Văn Vui	1954	An Cư 2			D4	700,000	
93	Trần Văn Tám	1954	An Cư 2			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
94	Đình Văn Khà	1959	An Cư 2			D4	700,000	
95	Đỗ Văn Xô	1947	An Cư 2			D4	700,000	
96	Nguyễn Văn Lương	1954	An Cư 2			D4	700,000	
97	Đình Quang Đạo	1950	An Cư 2			D4	700,000	
98	Phạm Văn Vui	1954	An Cư 2			D4	700,000	
99	Phạm Văn Thấu	1960	An Cư 2			D4	700,000	
100	Phạm Văn Ngõa	1950	An Vệ			D4	700,000	
101	Nguyễn Thị Thảo	1948	An Vệ			D4	700,000	
102	Phạm Văn Ngát	1954	An Vệ			D4	700,000	
103	Phạm Ngọc Thạch	1958	An Vệ			D4	700,000	
104	Phạm Văn Ôn	1954	An Vệ			D4	700,000	
105	Phạm Thị Dẫy	1960	Thọ Xương			D4	700,000	
106	Phạm Quốc Biên	1955	Thọ Xương			D4	700,000	
107	Phạm Văn Kiên	1936	Thọ Xương			D4	700,000	
108	Nguyễn Thị Mùi	1952	Thọ Xương			D4	700,000	
109	Phạm Văn Tiến	1950	Thọ Xương			D4	700,000	
110	Vũ Đình Đường	1956	Thọ Xương			D4	700,000	
111	Bùi Xuân Mậu	1953	Thọ Xương			D4	700,000	
112	Trần Văn Sùng	1951	Thọ Xương			D4	700,000	
113	Lê Xuân Thu	1954	Thọ Xương			D4	700,000	
114	Bùi Văn Nhật	1947	Hậu Bông			D4	700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
VII	Nhóm D5 = 285							
1	Nguyễn Thế Bằng	1963	Cầu Lâm			D5	600,000	
2	Nguyễn Thiện Du	1961	Cầu Lâm			D5	600,000	
3	Nguyễn Thị Việp	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
4	Nguyễn Thị Tâm	1958	Cầu Lâm			D5	600,000	
5	Hoàng Đình Hương	1957	Cầu Lâm			D5	600,000	
6	Nguyễn Thiện Khoa	1965	Cầu Lâm			D5	600,000	
7	Nguyễn Đức Thạch	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
8	Phạm Bá Hạnh	1961	Cầu Lâm			D5	600,000	
9	Nguyễn Thanh Thơm	1957	Cầu Lâm			D5	600,000	
10	Phạm Thị Tuân	1960	Cầu Lâm			D5	600,000	
11	Phạm Xuân Trường	1963	Cầu Lâm			D5	600,000	
12	Nguyễn Mạnh Hùng	1964	Cầu Lâm			D5	600,000	
13	Nguyễn Đức Toàn	1965	Cầu Lâm			D5	600,000	
14	Nguyễn Đức Chiến	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
15	Nguyễn Thiện Đoan	1958	Cầu Lâm			D5	600,000	
16	Nguyễn Thế Tuấn	1948	Quang Bị			D5	600,000	
17	Dương Đình Thức	1964	Quang Bị			D5	600,000	
18	Dương Đình Sức	1966	Quang Bị			D5	600,000	
19	Đỗ Đức Thực	1966	Quang Bị			D5	600,000	
20	Dương Đình Báu	1954	Quang Bị			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
21	Nguyễn Văn Chinh	1968	Quang Bị			D5	600,000	
22	Dương Đình Quý	1957	Quang Bị			D5	600,000	
23	Nguyễn Thị Hồng	1952	Quang Bị			D5	600,000	
24	Nguyễn Văn Lê	1963	Quang Bị			D5	600,000	
25	Đỗ Văn Trọng	1974	Quang Bị			D5	600,000	
26	Dương Đình Cương	1961	Quang Bị			D5	600,000	
27	Nguyễn Đức Học	1969	Côi Thượng			D5	600,000	
28	Vũ Tiến Mạnh	1960	Côi Thượng			D5	600,000	
29	Nguyễn Hữu Tụ	1967	Côi Thượng			D5	600,000	
30	Vũ Trường Giang	1963	Côi Thượng			D5	600,000	
31	Phạm Văn Toà	1960	Côi Thượng			D5	600,000	
32	Vũ Duy Tập	1969	Côi Thượng			D5	600,000	
33	Nguyễn Viết Toán	1971	Côi Hạ			D5	600,000	
34	Nguyễn Văn Nga	1961	Côi Hạ			D5	600,000	
35	Phạm Thị Thửa	1959	Côi Hạ			D5	600,000	
36	Nguyễn Duy Sinh	1964	Côi Hạ			D5	600,000	
37	Nguyễn Đình Phan	1969	Côi Hạ			D5	600,000	
38	Đào Văn Quyết	1960	Côi Hạ			D5	600,000	
39	Nguyễn Thị Cương	1962	Nam Cầu 1			D5	600,000	
40	Trần Quang Thám	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
41	Trần Quang Phẩm	1957	Nam Cầu 1			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
42	Hoàng Văn Hoàn	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
43	Hoàng Xuân Thứ	1966	Nam Cầu 1			D5	600,000	
44	Hoàng Văn Thôn	1961	Nam Cầu 1			D5	600,000	
45	Hoàng Văn Thiết	1964	Nam Cầu 1			D5	600,000	
46	Trần Văn Tài	1965	Nam Cầu 1			D5	600,000	
47	Hoàng Văn Cao	1968	Nam Cầu 1			D5	600,000	
48	Nguyễn Văn Xây	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
49	Nguyễn Tiến Dũng	1954	Nam Cầu 1			D5	600,000	
50	Hoàng Văn Thạch	1965	Nam Cầu 1			D5	600,000	
51	Nguyễn Văn Triệu	1958	Nam Cầu 1			D5	600,000	
52	Hoàng Văn Thoan	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
53	Hoàng Văn Quy	1957	Nam Cầu 1			D5	600,000	
54	Hoàng Đức Nghĩa	1964	Nam Cầu 1			D5	600,000	
55	Đặng Văn Cát	1956	Nam Cầu 1			D5	600,000	
56	Phạm Bá Đương	1968	Nam Cầu 1			D5	600,000	
57	Nguyễn Văn Thành	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
58	Đào Ngọc Hiền	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
59	Trần Văn Quýt	1958	Nam Cầu 1			D5	600,000	
60	Trần Quang Thập	1966	Nam Cầu 1			D5	600,000	
61	Trần Minh Nguyên	1967	Nam Cầu 1			D5	600,000	
62	Phùng Đức Thiện	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
63	Hoàng Trọng Đoan	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
64	Nguyễn Hoài Pha	1962	Nam Cầu 1			D5	600,000	
65	Hoàng Văn Trường	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	
66	Nguyễn Thị Na	1957	Nam Cầu 2			D5	600,000	
67	Phùng Danh Thóc	1974	Nam Cầu 2			D5	600,000	
68	Trần Viết Trình	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	
69	Hoàng Văn Thu	1956	Nam Cầu 2			D5	600,000	
70	Hoàng Văn Lùng	1965	Nam Cầu 2			D5	600,000	
71	Hoàng Văn Thoan	1962	Nam Cầu 2			D5	600,000	
72	Hoàng Văn Viên	1963	Nam Cầu 2			D5	600,000	
73	Trịnh Thị Hương	1958	Nam Cầu 2			D5	600,000	
74	Phùng Danh Thân	1966	Nam Cầu 2			D5	600,000	
75	Phùng Văn Dụng	1962	Nam Cầu 2			D5	600,000	
76	Phùng Danh Đồi	1964	Nam Cầu 2			D5	600,000	
77	Hoàng Bá Vũ	1965	Nam Cầu 2			D5	600,000	
78	Phùng Danh Phước	1961	Nam Cầu 2			D5	600,000	
79	Phùng Danh Thuận	1966	Nam Cầu 2			D5	600,000	
80	Nguyễn Văn Tuynh	1956	Nam Cầu 2			D5	600,000	
81	Trần Quang Hóa	1960	Nam Cầu 2			D5	600,000	
82	Phùng Văn Thấu	1959	Nam Cầu 2			D5	600,000	
83	Phùng Công Dũng	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
84	Hoàng Thị Luyện	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	
85	Phùng Danh Thang	1964	Tân Minh Đức			D5	600,000	
86	Phùng Thanh Mừng	1967	Tân Minh Đức			D5	600,000	
87	Phùng Danh Út	1957	Tân Minh Đức			D5	600,000	
88	Đỗ Đức Thiện	1970	Tân Minh Đức			D5	600,000	
89	Mai Xuân Đắc	1947	Cao Duệ			D5	600,000	
90	Trần Thị Mây	1973	Cao Duệ			D5	600,000	
91	Vũ Thị Huệ	1966	Cao Duệ			D5	600,000	
92	Phạm Văn Thọ	1950	Cao Duệ			D5	600,000	
93	Đoàn Quang Thuận	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
94	Ngô Văn Kép	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
95	Đoàn Văn Đạt	1959	Cao Duệ			D5	600,000	
96	Hoàng Thị Trang	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
97	Nguyễn Thị Văn	1952	Cao Duệ			D5	600,000	
98	Vũ Thị Huệ	1954	Cao Duệ			D5	600,000	
99	Phạm Văn Lương	1969	Cao Duệ			D5	600,000	
100	Đào Huy Cường	1960	Cao Duệ			D5	600,000	
101	Đoàn Văn Hiền	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
102	Nguyễn Văn Dúp	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
103	Nguyễn Văn Tám	1958	Cao Duệ			D5	600,000	
104	Phạm Văn Vệ	1962	Cao Duệ			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
105	Đào Văn Thất	1961	Cao Duệ			D5	600,000	
106	Nguyễn Thị Sâm	1967	Cao Duệ			D5	600,000	
107	Nguyễn Văn Bính	1965	Cao Duệ			D5	600,000	
108	Nguyễn Văn Đỗ	1954	Cao Duệ			D5	600,000	
109	Nguyễn Văn Hiến	1947	Cao Duệ			D5	600,000	
110	Đỗ Thị Gấm	1970	Cao Duệ			D5	600,000	
111	Nguyễn Thị Huệ	1968	Cao Duệ			D5	600,000	
112	Đỗ Văn Lương	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
113	Lê Văn Vượng	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
114	Ngô Văn Yên	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
115	Phạm Văn Quý	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
116	Nguyễn Thị Nghiệp	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
117	Phạm Văn Thành	1960	Cao Duệ			D5	600,000	
118	Nguyễn Xuân Lương	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
119	Nguyễn Văn Phán	1958	Cao Duệ			D5	600,000	
120	Mai Văn Tuấn	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
121	Đỗ Văn Toàn	1965	Cao Duệ			D5	600,000	
122	Mai Xuân Liễu	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
123	Nguyễn Trung Hậu	1957	Cao Duệ			D5	600,000	
124	Đỗ Thị Luyên	1956	Cao Duệ			D5	600,000	
125	Đỗ Thị Hòi	1968	Cao Duệ			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
126	Nguyễn Văn Hưng	1970	Cao Duệ			D5	600,000	
127	Nguyễn Văn Trường	1954	Cao Duệ			D5	600,000	
128	Nguyễn Thị Huệ	1964	Thị Đức			D5	600,000	
129	Nguyễn Hữu Lịch	1964	Thị Đức			D5	600,000	
130	Hoàng Văn Túy	1969	Thị Đức			D5	600,000	
131	Phạm Thị Miến	1960	Thị Đức			D5	600,000	
132	Nguyễn Lương Đào	1954	Thị Đức			D5	600,000	
133	Nguyễn Văn mai	1960	Đôn Thu			D5	600,000	
134	Hoàng Thanh Hải	1960	Đôn Thu			D5	600,000	
135	Nguyễn Thị Thu	1968	Đôn Thu			D5	600,000	
136	Nguyễn Thị Quế	1966	Đôn Thu			D5	600,000	
137	Trương Đình Dụng	1960	Đôn Thu			D5	600,000	
138	Nguyễn Thị Hương	1966	An Thu			D5	600,000	
139	Vũ Quang Tạo	1968	An Thu			D5	600,000	
140	Bùi Văn Hanh	1958	An Thu			D5	600,000	
141	Trương Thị Lương	1968	An Thu			D5	600,000	
142	Nguyễn Minh Đăng	1972	An Thu			D5	600,000	
143	Trần Công Xanh	1958	An Thu			D5	600,000	
144	Hoàng Minh An	1965	An Thu			D5	600,000	
145	Trương Xuân Cảnh	1963	An Thu			D5	600,000	
146	Vũ Văn Bón	1960	An Thu			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
147	Nguyễn Đức Tạo	1957	An Thư			D5	600,000	
148	Nguyễn Duy Xuyên	1954	Vĩnh Duệ			D5	600,000	
149	Bùi Văn Thuận	1953	Vĩnh Duệ			D5	600,000	
150	Phạm Văn Phương	1956	Quang Tiền			D5	600,000	
151	Bùi Văn Vũ	1968	Quang Tiền			D5	600,000	
152	Đỗ Xuân Cộg	1963	Quang Tiền			D5	600,000	
153	Đỗ Đức Ngừng	1956	Quang Tiền			D5	600,000	
154	Nguyễn Văn Trung	1968	Quang Tiền			D5	600,000	
155	Phạm Tuấn Thủy	1966	Quang Tiền			D5	600,000	
156	Trịnh Quang Thái	1967	Quang Tiền			D5	600,000	
157	Phan Tiến Đạo	1963	Quang Tiền			D5	600,000	
158	Nguyễn Trọng Liên	1963	Đông Trại			D5	600,000	
159	Nguyễn Văn Đậu	1955	Đông Trại			D5	600,000	
160	Nguyễn Văn Dưỡng	1959	Đông Trại			D5	600,000	
161	Vũ Thị Đồng	1962	Đông Trại			D5	600,000	
162	Nguyễn Đức Hùng	1970	Đông Trại			D5	600,000	
163	Nguyễn Văn Đậu	1959	Đông Trại			D5	600,000	
164	Trần Thị Thắng	1954	Đông Trại			D5	600,000	
165	Bùi Ngọc Sừ	1973	Đông Hạ			D5	600,000	
166	Nguyễn Xuân Thiều	1952	Đông Hạ			D5	600,000	
167	Nguyễn Văn Cơ	1964	Đông Hạ			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
168	Nguyễn Thị Liễu	1961	Đông Hạ			D5	600,000	
169	Phạm Thị Huệ	1957	Đông Hạ			D5	600,000	
170	Phạm Thị Khiêu	1959	Đông Hạ			D5	600,000	
171	Trần Thị Phó	1958	Đông Thượng			D5	600,000	
172	Đỗ Thanh Ngà	1946	Đông Thượng			D5	600,000	
173	Lê Ngọc Lựu	1960	Đông Thượng			D5	600,000	
174	Đỗ Văn Chùng	1956	Đông Thượng			D5	600,000	
175	Nguyễn Thị Cảnh	1957	Đông Thượng			D5	600,000	
176	Nguyễn Diên An	1963	Đông Thượng			D5	600,000	
177	Phạm Đức Tố	1944	Đông Thượng			D5	600,000	
178	Nguyễn Xuân Đậu	1956	Đông Thượng			D5	600,000	
179	Phạm Văn Sao	1960	Đông Thượng			D5	600,000	
180	Vũ Minh Đốc	1948	Đông Thượng			D5	600,000	
181	Nguyễn Vũ Tốt	1964	An Cư 1			D5	600,000	
182	Nguyễn Văn Thuấn	1962	An Cư 1			D5	600,000	
183	Nguyễn Văn Hải	1949	An Cư 1			D5	600,000	
184	Phạm Đăng Hoan	1943	An Cư 1			D5	600,000	
185	Phạm Đắc Huyền	1954	An Cư 1			D5	600,000	
186	Phạm Đăng Hương	1959	An Cư 1			D5	600,000	
187	Vũ Xuân Xã	1965	An Cư 1			D5	600,000	
188	Nguyễn Văn Sang	1965	An Cư 1			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
189	Phạm Quang Kiều	1965	An Cư 1			D5	600,000	
190	Bùi Thị Hiệp	1957	An Cư 1			D5	600,000	
191	Trần Quang Việt	1963	An Cư 1			D5	600,000	
192	Trần Văn Tước	1958	An Cư 1			D5	600,000	
193	Phạm Văn Tuấn	1959	An Cư 1			D5	600,000	
194	Phạm Đăng Vũ	1960	An Cư 1			D5	600,000	
195	Phạm Đăng Thâm	1970	An Cư 1			D5	600,000	
196	Phạm Văn Kiều	1968	An Cư 1			D5	600,000	
197	Phạm Bá Tân	1963	An Cư 1			D5	600,000	
198	Trần Văn Dũng	1958	An Cư 2			D5	600,000	
199	Phạm Thị Nơi	1966	An Cư 2			D5	600,000	
200	Đỗ Trọng Tuệ	1955	An Cư 2			D5	600,000	
201	Phạm Văn Tác	1952	An Cư 2			D5	600,000	
202	Phạm Văn Tuyên	1953	An Cư 2			D5	600,000	
203	Phạm Văn Minh	1965	An Cư 2			D5	600,000	
204	Bùi Thị Kỳ	1956	An Cư 2			D5	600,000	
205	Nguyễn Văn Nhan	1964	An Cư 2			D5	600,000	
206	Nguyễn Văn Phận	1958	An Cư 2			D5	600,000	
207	Phạm Thị Chốt	1964	An Vệ			D5	600,000	
208	Phạm Thanh Xuân	1958	An Vệ			D5	600,000	
209	Vũ Ngọc Vê	1948	An Vệ			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
210	Vũ Ngọc Vinh	1955	An Vệ			D5	600,000	
211	Nguyễn Văn Mong	1964	An Vệ			D5	600,000	
212	Đình Văn Vỡ	1958	An Vệ			D5	600,000	
213	Phạm Ngọc Liệu	1963	An Vệ			D5	600,000	
214	Phạm Quốc Diên	1949	An Vệ			D5	600,000	
215	Phạm Văn Khởi	1966	An Vệ			D5	600,000	
216	Phạm Văn Thụy	1961	An Vệ			D5	600,000	
217	Phạm Xuân Phùng	1964	Thọ Xương			D5	600,000	
218	Phạm Văn Anh	1962	Thọ Xương			D5	600,000	
219	Phạm Duy Thiệu	1961	Hậu Bông			D5	600,000	
220	Phạm Văn Huy	1960	Hậu Bông			D5	600,000	
221	Phạm Thị Ngoan	1969	Hậu Bông			D5	600,000	
222	Phạm Văn Xây	1961	Hậu Bông			D5	600,000	
223	Phạm Văn Quỳnh	1963	Hậu Bông			D5	600,000	
224	Phạm Văn Khoáng	1972	Hậu Bông			D5	600,000	
225	Phạm Thanh Nhơn	1955	Hậu Bông			D5	600,000	
226	Vũ Thị Hằng	1958	Hậu Bông			D5	600,000	
227	Nguyễn Thị Bằng	1957	Hậu Bông			D5	600,000	
228	Nguyễn Hoài Bắc	1957	Hậu Bông			D5	600,000	
229	Bùi Tiến Thắng	1959	Hậu Bông			D5	600,000	
230	Bùi Thị Xuân	1955	Hậu Bông			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
231	Phạm Thanh Nghi	1968	Hậu Bông			D5	600,000	
232	Vũ Thị Thuý Bình	1948	Hậu Bông			D5	600,000	
233	Phạm Thị Hoa	1960	Minh Tân			D5	600,000	
234	Nguyễn Văn Thìn	1963	Minh Tân			D5	600,000	
235	Nguyễn Trọng Trú	1964	Minh Tân			D5	600,000	
236	Phạm Văn Bùng	1966	Minh Tân			D5	600,000	
237	Nguyễn Thị Viu	1954	Minh Tân			D5	600,000	
238	Phạm Thị Thu	1959	Minh Tân			D5	600,000	
239	Phạm Văn Khởi	1964	Minh Tân			D5	600,000	
240	Phạm Quốc Chiêm	1954	Minh Tân			D5	600,000	
241	Vũ Văn Trăm	1963	Minh Tân			D5	600,000	
242	Phạm Công Vận	1962	Minh Tân			D5	600,000	
243	Phạm Văn Hỷ	1961	Minh Tân			D5	600,000	
244	Phạm Thanh Phúc	1960	Minh Tân			D5	600,000	
245	Nguyễn Thị Tài	1952	Minh Tân			D5	600,000	
246	Phạm Thị Hòa	1956	Minh Tân			D5	600,000	
247	Nguyễn Văn Linh	1957	Minh Tân			D5	600,000	
248	Tạ Quang Mừng	1962	Minh Tân			D5	600,000	
249	Vũ Đình Chi	1959	Minh Tân			D5	600,000	
250	Tạ Quang Điều	1961	Minh Tân			D5	600,000	
251	Vũ Đình Can	1949	Đỗ Xuyên			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
252	Vũ Đình Bông	1945	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
253	Phạm Tiến Cường	1961	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
254	Nguyễn Thị Lân	1961	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
255	Phạm Tiến Phác	1949	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
256	Hồ Đình Khôi	1968	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
257	Nguyễn Công Chiêu	1954	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
258	Hồ Duy Đón	1964	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
259	Nguyễn Văn Biên	1955	Đông Hào			D5	600,000	
260	Phạm Duy Nhất	1958	Đông Hào			D5	600,000	
261	Vũ Xuân Thế	1961	Đông Hào			D5	600,000	
262	Vũ Văn Doãn	1960	Đông Hào			D5	600,000	
263	Phạm Văn Thuấn	1962	Đông Hào			D5	600,000	
264	Vũ Xuân Quyện	1966	Đông Hào			D5	600,000	
265	Đình Văn Khải	1963	Đông Hào			D5	600,000	
266	Vũ Văn Quỳnh	1960	Đông Hào			D5	600,000	
267	Đình Văn Hiếu	1967	Đông Cầu			D5	600,000	
268	Nguyễn Văn Chất	1964	Đông Cầu			D5	600,000	
269	Vũ Khắc Thập	1958	Đông Cầu			D5	600,000	
270	Lã Văn Chiến	1958	Đông Cầu			D5	600,000	
271	Vũ Thị Hải Hậu	1959	Đông Cầu			D5	600,000	
272	Phan Đăng Nghị	1962	Đông Cầu			D5	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VND)	Ghi chú
273	Nguyễn Văn Duyệt	1964	Đông Cầu			D5	600,000	
274	Nguyễn Văn Nhiệm	1958	Đông Cầu			D5	600,000	
275	Đoàn Văn ái	1966	Đông Cầu			D5	600,000	
276	Phạm Văn Phó	1973	BXD đảng			D5	600,000	
277	Nguyễn Quang Ngo	1973	VP đảng ủy			D5	600,000	
278	Phạm Đăng Thuộc	1974	UBMTTQ xã			D5	600,000	
279	Nguyễn Quý Khuông	1972	HĐND xã			D5	600,000	
280	Vũ Thị Khuyên	1969	HĐND xã			D5	600,000	
281	Nguyễn Thị Thùy	1965	THCS Phạm Trấn			D5	600,000	
282	Đỗ Mạnh Thanh Hải	1971	THCS Phạm Trấn			D5	600,000	
283	Nguyễn Thị Thanh Toàn	1967	THCS Nhật Tân			D5	600,000	
284	Đoàn Văn Tâm	1968	THCS Đồng Quang			D5	600,000	
285	Bùi Thị Lược	1969	THCS Đồng Quang			D5	600,000	
Cộng							387,250,000	

**TỔNG HỢP CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND
NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tăng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Đơn vị: đồng	Ghi chú			
						A1 (mức tăng quà 6trd/dt)	A2 (mức tăng quà 6trd/dt)	A3 (mức tăng quà 4trd/dt)	A4 (mức tăng quà 4trd/dt)	A5 (mức tăng quà 3trd/dt)	A6 (mức tăng quà 2trd/dt)	B1 (mức tăng quà 6trd/dt)	C1 (mức tăng quà 7trd/dt)	C2 (mức tăng quà 6trd/dt)	C3 (mức tăng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tăng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tăng quà 2trd/dt)	D2 (mức tăng quà 1trd/dt)	D3 (mức tăng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tăng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tăng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà			Số tiền		
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			18	19	
	Tổng cộng					0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	1	1	15	131	114	285	0	387,250,000				
1	Đoàn Quý	1947	Cao Duệ	PBT TT đảng ủy huyện	PBT TT đảng ủy huyện				1																4,000,000		
2	Phạm Thị Cộng	1933	Minh Tân	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương				1																	4,000,000	
3	Nguyễn Trọng Thùy	1958	Côi Thượng	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy					1																3,000,000	
4	Phạm Đăng Tăng	1961	An Cư 2	UV BTV, chỉ huy trưởng QS huyện	UV BTV, chỉ huy trưởng QS huyện					1																3,000,000	
5	Phạm Văn Hà	1968	Cao Duệ	Đại tá, Phó chỉ huy trưởng QS huyện	BCHQS huyện Thanh Miện											1										650,000	
6	Phạm Quốc Tụ	1922	Hậu Bông														1									2,000,000	
7	Nguyễn Đức Diện	1928	Côi Thượng															1								1,000,000	
8	Trần Văn Hồng	1932	Côi Thượng															1								1,000,000	
9	Trần Thị Phương	1927	Côi Thượng															1								1,000,000	
10	Phạm Văn Cừ	1930	Côi Thượng															1								1,000,000	
11	Hoàng Xuân Linh	1937	Nam Cầu 1															1								1,000,000	
12	Trịnh Xuân Khiêm	1935	Thị Đức															1								1,000,000	
13	Nguyễn Bách Tài	1933	Thị Đức															1								1,000,000	
14	Phạm Thanh Giang	1939	An Cư 2															1								1,000,000	
15	Phạm Văn Hương	1933	An Cư 2															1								1,000,000	
16	Phạm Thanh Cừ	1934	An Vệ															1								1,000,000	
17	Trần Quốc Toàn	1932	Thọ Xương															1								1,000,000	
18	Phạm Văn Phao	1938	Hậu Bông															1								1,000,000	
19	Phạm Thị Thần	1937	Hậu Bông															1								1,000,000	
20	Phạm Trung Giã	1930	Hậu Bông															1								1,000,000	
21	Nguyễn Văn Hiệp	1931	Đông Cầu															1								1,000,000	
22	Hoàng Minh Viễn	1947	Cầu Lâm																1							800,000	
23	Vương Thị Nhung	1949	Quang Bị																1							800,000	
24	Đỗ Văn Sứ	1947	Quang Bị																	1						800,000	
25	Dương Thanh Tùng	1940	Quang Bị																	1						800,000	
26	Hà Thị Tắm	1949	Côi Thượng																	1						800,000	
27	Vũ Văn Bầy	1940	Côi Thượng																	1						800,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú			
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền		
232	Phạm Văn Đông	1954	An Cư 2																			1		700,000		
233	Phạm Quý Thụy	1959	An Cư 2																				1		700,000	
234	Phạm Văn Ngo	1947	An Cư 2																				1		700,000	
235	Trần Văn Quán	1954	An Cư 2																				1		700,000	
236	Phạm Văn Thú	1950	An Cư 2																				1		700,000	
237	Phạm Đăng Sinh	1954	An Cư 2																				1		700,000	
238	Phạm Quý Quang	1960	An Cư 2																				1		700,000	
239	Nguyễn Hữu Bất	1950	An Vệ																				1		700,000	
240	Nguyễn Xuân Đài	1948	An Vệ																				1		700,000	
241	Nguyễn Xuân Ngưng	1954	An Vệ																				1		700,000	
242	Vũ Văn Trang	1958	An Vệ																				1		700,000	
243	Nguyễn Văn Hồng	1954	An Vệ																				1		700,000	
244	Đinh Văn Vui	1960	Thọ Xương																				1		700,000	
245	Trần Văn Tám	1955	Thọ Xương																				1		700,000	
246	Đinh Văn Khả	1936	Thọ Xương																				1		700,000	
247	Đỗ Văn Xô	1952	Thọ Xương																				1		700,000	
248	Nguyễn Văn Lương	1950	Thọ Xương																				1		700,000	
249	Đinh Quang Đạo	1953	Thọ Xương																				1		700,000	
250	Phạm Văn Vui	1954	Thọ Xương																				1		700,000	
251	Phạm Văn Thấu	1947	Hậu Bông																				1		700,000	
252	Phạm Văn Ngõa	1957	Hậu Bông																				1		700,000	
253	Nguyễn Thị Thảo	1955	Hậu Bông																				1		700,000	
254	Phạm Văn Ngát	1948	Hậu Bông																				1		700,000	
255	Phạm Ngọc Thạch	1957	Hậu Bông																				1		700,000	
256	Phạm Văn Ôn	1955	Hậu Bông																				1		700,000	
257	Phạm Thị Dẫy	1953	Hậu Bông																				1		700,000	
258	Phạm Quốc Biên	1949	Hậu Bông																				1		700,000	
259	Phạm Văn Kiên	1955	Minh Tân																				1		700,000	
260	Nguyễn Thị Mai	1952	Minh Tân																				1		700,000	
261	Phạm Văn Tiến	1960	Minh Tân																				1		700,000	
262	Vũ Đình Đường	1955	Đỗ Xuyên																				1		700,000	
263	Bùi Xuân Mậu	1955	Đỗ Xuyên																				1		700,000	
264	Trần Văn Sùng	1953	Đỗ Xuyên																				1		700,000	
265	Lê Xuân Thu	1958	Đông Hào																				1		700,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng														Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú						
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)		Nhóm đối tượng được tặng quà	Số tiền				
266	Bùi Văn Nhật	1958	Đông Cầu																					1		700,000		
267	Nguyễn Thế Bằng	1963	Cầu Lâm																						1		600,000	
268	Nguyễn Thiện Du	1961	Cầu Lâm																						1		600,000	
269	Nguyễn Thị Viện	1968	Cầu Lâm																						1		600,000	
270	Nguyễn Thị Tâm	1958	Cầu Lâm																						1		600,000	
271	Hoàng Đình Hương	1957	Cầu Lâm																						1		600,000	
272	Nguyễn Thiện Khoa	1965	Cầu Lâm																						1		600,000	
273	Nguyễn Đức Thạch	1968	Cầu Lâm																						1		600,000	
274	Phạm Bá Hạnh	1961	Cầu Lâm																						1		600,000	
275	Nguyễn Thanh Thom	1957	Cầu Lâm																						1		600,000	
276	Phạm Thị Tuấn	1960	Cầu Lâm																						1		600,000	
277	Phạm Xuân Trường	1963	Cầu Lâm																						1		600,000	
278	Nguyễn Mạnh Hùng	1964	Cầu Lâm																						1		600,000	
279	Nguyễn Đức Toàn	1965	Cầu Lâm																						1		600,000	
280	Nguyễn Đức Chiến	1968	Cầu Lâm																						1		600,000	
281	Nguyễn Thiện Đoan	1958	Cầu Lâm																						1		600,000	
282	Nguyễn Thế Tuấn	1948	Quang Bị																						1		600,000	
283	Dương Đình Thức	1964	Quang Bị																						1		600,000	
284	Dương Đình Sức	1966	Quang Bị																						1		600,000	
285	Đỗ Đức Thực	1966	Quang Bị																						1		600,000	
286	Dương Đình Báu	1954	Quang Bị																						1		600,000	
287	Nguyễn Văn Chinh	1968	Quang Bị																						1		600,000	
288	Dương Đình Quý	1957	Quang Bị																						1		600,000	
289	Nguyễn Thị Hồng	1952	Quang Bị																						1		600,000	
290	Nguyễn Văn Lệ	1963	Quang Bị																						1		600,000	
291	Đỗ Văn Trọng	1974	Quang Bị																						1		600,000	
292	Dương Đình Cương	1961	Quang Bị																						1		600,000	
293	Nguyễn Đức Học	1969	Côi Thượng																						1		600,000	
294	Vũ Tiến Mạnh	1960	Côi Thượng																						1		600,000	
295	Nguyễn Hữu Tú	1967	Côi Thượng																						1		600,000	
296	Vũ Trường Giang	1963	Côi Thượng																						1		600,000	
297	Phạm Văn Toá	1960	Côi Thượng																						1		600,000	
298	Vũ Duy Tập	1969	Côi Thượng																						1		600,000	
299	Nguyễn Việt Toán	1971	Côi Hạ																						1		600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú								
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền							
300	Nguyễn Văn Nga	1961	Côi Hạ																										1	600,000	
301	Phạm Thị Thừa	1959	Côi Hạ																										1	600,000	
302	Nguyễn Duy Sinh	1964	Côi Hạ																										1	600,000	
303	Nguyễn Đình Phan	1969	Côi Hạ																										1	600,000	
304	Đào Văn Quyết	1960	Côi Hạ																										1	600,000	
305	Nguyễn Thị Cương	1962	Nam Cầu 1																										1	600,000	
306	Trần Quang Thâm	1963	Nam Cầu 1																										1	600,000	
307	Trần Quang Phẩm	1957	Nam Cầu 1																										1	600,000	
308	Hoàng Văn Hoàn	1960	Nam Cầu 1																										1	600,000	
309	Hoàng Xuân Thứ	1966	Nam Cầu 1																										1	600,000	
310	Hoàng Văn Thôn	1961	Nam Cầu 1																										1	600,000	
311	Hoàng Văn Thiết	1964	Nam Cầu 1																										1	600,000	
312	Trần Văn Tài	1965	Nam Cầu 1																										1	600,000	
313	Hoàng Văn Cao	1968	Nam Cầu 1																										1	600,000	
314	Nguyễn Văn Xây	1963	Nam Cầu 1																										1	600,000	
315	Nguyễn Tiến Dũng	1954	Nam Cầu 1																										1	600,000	
316	Hoàng Văn Thạch	1965	Nam Cầu 1																										1	600,000	
317	Nguyễn Văn Triệu	1958	Nam Cầu 1																										1	600,000	
318	Hoàng Văn Thoan	1960	Nam Cầu 1																										1	600,000	
319	Hoàng Văn Quy	1957	Nam Cầu 1																										1	600,000	
320	Hoàng Đức Nghĩa	1964	Nam Cầu 1																										1	600,000	
321	Đặng Văn Cát	1968	Nam Cầu 1																										1	600,000	
322	Phạm Bá Đăng	1960	Nam Cầu 1																										1	600,000	
323	Nguyễn Văn Thành	1963	Nam Cầu 1																										1	600,000	
324	Đào Ngọc Hiên	1958	Nam Cầu 1																										1	600,000	
325	Trần Văn Quýt	1966	Nam Cầu 1																										1	600,000	
326	Trần Quang Tháp	1967	Nam Cầu 1																										1	600,000	
327	Trần Minh Nguyễn	1960	Nam Cầu 1																										1	600,000	
328	Phùng Đức Thiện	1960	Nam Cầu 1																										1	600,000	
329	Hoàng Trọng Doan	1962	Nam Cầu 1																										1	600,000	
330	Nguyễn Hoài Pha	1955	Nam Cầu 2																										1	600,000	
331	Hoàng Văn Trường	1957	Nam Cầu 2																										1	600,000	
332	Nguyễn Thị Na	1974	Nam Cầu 2																										1	600,000	
333	Phùng Danh Thóc	1955	Nam Cầu 2																										1	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú		
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền	
334	Trần Việt Trình	1956	Nam Cầu 2																			1	600,000		
335	Hoàng Văn Thu	1965	Nam Cầu 2																				1	600,000	
336	Hoàng Văn Lùng	1962	Nam Cầu 2																				1	600,000	
337	Hoàng Văn Thoan	1963	Nam Cầu 2																				1	600,000	
338	Hoàng Văn Viên	1958	Nam Cầu 2																				1	600,000	
339	Trịnh Thị Hương	1966	Nam Cầu 2																				1	600,000	
340	Phùng Danh Thân	1962	Nam Cầu 2																				1	600,000	
341	Phùng Văn Dũng	1964	Nam Cầu 2																				1	600,000	
342	Phùng Danh Đồi	1965	Nam Cầu 2																				1	600,000	
343	Hoàng Bá Vũ	1961	Nam Cầu 2																				1	600,000	
344	Phùng Danh Phước	1966	Nam Cầu 2																				1	600,000	
345	Phùng Danh Thuận	1956	Nam Cầu 2																				1	600,000	
346	Nguyễn Văn Tuynh	1960	Nam Cầu 2																				1	600,000	
347	Trần Quang Hóa	1959	Nam Cầu 2																				1	600,000	
348	Phùng Văn Thấu	1955	Nam Cầu 2																				1	600,000	
349	Phùng Công Dũng	1955	Nam Cầu 2																				1	600,000	
350	Hoàng Thị Luyến	1964	Tân Minh Đức																				1	600,000	
351	Phùng Danh Thang	1967	Tân Minh Đức																				1	600,000	
352	Phùng Thanh Mừng	1957	Tân Minh Đức																				1	600,000	
353	Phùng Danh Út	1970	Tân Minh Đức																				1	600,000	
354	Đỗ Đức Thiện	1947	Cao Duệ																				1	600,000	
355	Mai Xuân Đắc	1973	Cao Duệ																				1	600,000	
356	Trần Thị Máy	1966	Cao Duệ																				1	600,000	
357	Vũ Thị Huệ	1950	Cao Duệ																				1	600,000	
358	Phạm Văn Thọ	1963	Cao Duệ																				1	600,000	
359	Đoàn Quang Thuận	1962	Cao Duệ																				1	600,000	
360	Ngô Văn Kép	1959	Cao Duệ																				1	600,000	
361	Đoàn Văn Đạt	1963	Cao Duệ																				1	600,000	
362	Hoàng Thị Trang	1952	Cao Duệ																				1	600,000	
363	Nguyễn Thị Văn	1954	Cao Duệ																				1	600,000	
364	Vũ Thị Huệ	1969	Cao Duệ																				1	600,000	
365	Phạm Văn Lương	1960	Cao Duệ																				1	600,000	
366	Đào Huy Cường	1964	Cao Duệ																				1	600,000	
367	Đoàn Văn Hiến	1962	Cao Duệ																				1	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú	
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền
402	Nguyễn Thị Quế	1960	Đôn Thụ																		1	600,000		
403	Trương Đình Dũng	1966	An Thụ																			1	600,000	
404	Nguyễn Thị Hương	1968	An Thụ																			1	600,000	
405	Vũ Quang Tạo	1958	An Thụ																			1	600,000	
406	Bùi Văn Hanh	1968	An Thụ																			1	600,000	
407	Trương Thị Lương	1972	An Thụ																			1	600,000	
408	Nguyễn Minh Đăng	1958	An Thụ																			1	600,000	
409	Trần Công Xanh	1965	An Thụ																			1	600,000	
410	Hoàng Minh An	1963	An Thụ																			1	600,000	
411	Trương Xuân Cảnh	1960	An Thụ																			1	600,000	
412	Vũ Văn Bốn	1957	An Thụ																			1	600,000	
413	Nguyễn Đức Tạo	1954	Vĩnh Duệ																			1	600,000	
414	Nguyễn Duy Xuyên	1953	Vĩnh Duệ																			1	600,000	
415	Bùi Văn Thuận	1956	Quang Tiến																			1	600,000	
416	Phạm Văn Phương	1968	Quang Tiến																			1	600,000	
417	Bùi Văn Vũ	1963	Quang Tiến																			1	600,000	
418	Đỗ Xuân Công	1968	Quang Tiến																			1	600,000	
419	Đỗ Đức Ngừng	1966	Quang Tiến																			1	600,000	
420	Nguyễn Văn Trung	1967	Quang Tiến																			1	600,000	
421	Phạm Tuấn Thủy	1963	Quang Tiến																			1	600,000	
422	Trịnh Quang Thái	1963	Đông Trại																			1	600,000	
423	Phan Tiến Đạo	1955	Đông Trại																			1	600,000	
424	Nguyễn Trọng Liên	1959	Đông Trại																			1	600,000	
425	Nguyễn Văn Đậu	1962	Đông Trại																			1	600,000	
426	Nguyễn Văn Dưỡng	1970	Đông Trại																			1	600,000	
427	Vũ Thị Đồng	1959	Đông Trại																			1	600,000	
428	Nguyễn Đức Hùng	1954	Đông Trại																			1	600,000	
429	Nguyễn Văn Đậu	1973	Đông Hạ																			1	600,000	
430	Trần Thị Thắng	1952	Đông Hạ																			1	600,000	
431	Bùi Ngọc Sử	1964	Đông Hạ																			1	600,000	
432	Nguyễn Xuân Thiều	1961	Đông Hạ																			1	600,000	
433	Nguyễn Văn Cơ	1957	Đông Hạ																			1	600,000	
434	Nguyễn Thị Liễu	1959	Đông Hạ																			1	600,000	
435	Phạm Thị Huệ	1958	Đông Thượng																			1	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú			
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền		
436	Phạm Thị Khiêu	1960	Đông Thượng																			1		600,000		
437	Trần Thị Phố	1956	Đông Thượng																				1		600,000	
438	Đỗ Thanh Ngà	1957	Đông Thượng																				1		600,000	
439	Lê Ngọc Lựu	1963	Đông Thượng																				1		600,000	
440	Đỗ Văn Chùng	1944	Đông Thượng																				1		600,000	
441	Nguyễn Thị Cảnh	1960	Đông Thượng																				1		600,000	
442	Nguyễn Diên An	1948	Đông Thượng																				1		600,000	
443	Phạm Đức Tô	1964	An Cư 1																				1		600,000	
444	Nguyễn Xuân Đậu	1962	An Cư 1																				1		600,000	
445	Phạm Văn Sao	1949	An Cư 1																				1		600,000	
446	Vũ Minh Đốc	1943	An Cư 1																				1		600,000	
447	Nguyễn Vũ Tốt	1954	An Cư 1																				1		600,000	
448	Nguyễn Văn Thuần	1959	An Cư 1																				1		600,000	
449	Nguyễn Văn Hải	1965	An Cư 1																				1		600,000	
450	Phạm Đăng Hoan	1965	An Cư 1																				1		600,000	
451	Phạm Đắc Huyền	1965	An Cư 1																				1		600,000	
452	Phạm Đăng Hương	1957	An Cư 1																				1		600,000	
453	Vũ Xuân Xâ	1963	An Cư 1																				1		600,000	
454	Nguyễn Văn Sang	1958	An Cư 1																				1		600,000	
455	Phạm Quang Kiều	1959	An Cư 1																				1		600,000	
456	Bùi Thị Hiệp	1960	An Cư 1																				1		600,000	
457	Trần Quang Việt	1970	An Cư 1																				1		600,000	
458	Trần Văn Tước	1968	An Cư 1																				1		600,000	
459	Phạm Văn Tuấn	1963	An Cư 1																				1		600,000	
460	Phạm Đăng Vũ	1958	An Cư 2																				1		600,000	
461	Phạm Đăng Thâm	1966	An Cư 2																				1		600,000	
462	Phạm Văn Kiều	1955	An Cư 2																				1		600,000	
463	Phạm Bá Tân	1952	An Cư 2																				1		600,000	
464	Trần Văn Dũng	1953	An Cư 2																				1		600,000	
465	Phạm Thị Noi	1965	An Cư 2																				1		600,000	
466	Đỗ Trọng Tuệ	1964	An Cư 2																				1		600,000	
467	Phạm Văn Tác	1958	An Cư 2																				1		600,000	
468	Phạm Văn Tuyên	1964	An Vệ																				1		600,000	
469	Phạm Văn Minh	1958	An Vệ																				1		600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tăng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú		
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền	
470	Bùi Thị Kỳ	1948	An Vệ																			1	600,000		
471	Nguyễn Văn Nhạn	1955	An Vệ																				1	600,000	
472	Nguyễn Văn Phần	1964	An Vệ																				1	600,000	
473	Phạm Thị Chốt	1958	An Vệ																				1	600,000	
474	Phạm Thanh Xuân	1963	An Vệ																				1	600,000	
475	Vũ Ngọc Vè	1949	An Vệ																				1	600,000	
476	Vũ Ngọc Vinh	1966	An Vệ																				1	600,000	
477	Nguyễn Văn Mong	1961	An Vệ																				1	600,000	
478	Đinh Văn Vỡ	1964	Thọ Xương																				1	600,000	
479	Phạm Ngọc Liễu	1962	Thọ Xương																				1	600,000	
480	Phạm Quốc Diên	1961	Hậu Bông																				1	600,000	
481	Phạm Văn Khởi	1960	Hậu Bông																				1	600,000	
482	Phạm Văn Thụy	1969	Hậu Bông																				1	600,000	
483	Phạm Xuân Phùng	1961	Hậu Bông																				1	600,000	
484	Phạm Văn Anh	1963	Hậu Bông																				1	600,000	
485	Phạm Duy Thiệu	1972	Hậu Bông																				1	600,000	
486	Phạm Văn Huy	1955	Hậu Bông																				1	600,000	
487	Phạm Thị Ngoan	1958	Hậu Bông																				1	600,000	
488	Phạm Văn Xây	1957	Hậu Bông																				1	600,000	
489	Phạm Văn Quỳnh	1957	Hậu Bông																				1	600,000	
490	Phạm Văn Khoáng	1959	Hậu Bông																				1	600,000	
491	Phạm Thanh Nhon	1955	Hậu Bông																				1	600,000	
492	Vũ Thị Hằng	1968	Hậu Bông																				1	600,000	
493	Nguyễn Thị Bằng	1948	Hậu Bông																				1	600,000	
494	Nguyễn Hoài Bắc	1960	Minh Tân																				1	600,000	
495	Bùi Tiến Thắng	1963	Minh Tân																				1	600,000	
496	Bùi Thị Xuân	1964	Minh Tân																				1	600,000	
497	Phạm Thanh Nghi	1966	Minh Tân																				1	600,000	
498	Vũ Thị Thuý Bình	1954	Minh Tân																				1	600,000	
499	Phạm Thị Hoa	1959	Minh Tân																				1	600,000	
500	Nguyễn Văn Thìn	1964	Minh Tân																				1	600,000	
501	Nguyễn Trọng Trú	1954	Minh Tân																				1	600,000	
502	Phạm Văn Bùng	1963	Minh Tân																				1	600,000	
503	Nguyễn Thị Vưu	1962	Minh Tân																				1	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú				
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền			
504	Phạm Thị Thu	1961	Minh Tân																					1	600,000		
505	Phạm Văn Khởi	1960	Minh Tân																						1	600,000	
506	Phạm Quốc Chiêm	1952	Minh Tân																						1	600,000	
507	Vũ Văn Trâm	1957	Minh Tân																						1	600,000	
508	Phạm Công Vận	1962	Minh Tân																						1	600,000	
509	Phạm Văn Hỷ	1959	Minh Tân																						1	600,000	
510	Phạm Thanh Phúc	1961	Minh Tân																						1	600,000	
511	Nguyễn Thị Tài	1949	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
512	Phạm Thị Hòa	1945	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
513	Nguyễn Văn Linh	1961	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
514	Tạ Quang Mừng	1961	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
515	Vũ Đình Chì	1949	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
516	Tạ Quang Điều	1968	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
517	Vũ Đình Can	1954	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
518	Vũ Đình Bông	1964	Đỗ Xuyên																						1	600,000	
519	Phạm Tiến Cường	1955	Đông Hào																						1	600,000	
520	Nguyễn Thị Lân	1958	Đông Hào																						1	600,000	
521	Phạm Tiến Phác	1961	Đông Hào																						1	600,000	
522	Hồ Đình Khởi	1960	Đông Hào																						1	600,000	
523	Nguyễn Công Chiêu	1962	Đông Hào																						1	600,000	
524	Hồ Duy Đón	1966	Đông Hào																						1	600,000	
525	Nguyễn Văn Biên	1963	Đông Hào																						1	600,000	
526	Phạm Duy Nhất	1960	Đông Hào																						1	600,000	
527	Vũ Xuân Thế	1967	Đông Cầu																						1	600,000	
528	Vũ Văn Doãn	1964	Đông Cầu																						1	600,000	
529	Phạm Văn Thuận	1958	Đông Cầu																						1	600,000	
530	Vũ Xuân Quyên	1958	Đông Cầu																						1	600,000	
531	Đình Văn Khải	1959	Đông Cầu																						1	600,000	
532	Vũ Văn Quỳnh	1962	Đông Cầu																						1	600,000	
533	Đình Văn Hiếu	1964	Đông Cầu																						1	600,000	
534	Nguyễn Văn Chất	1958	Đông Cầu																						1	600,000	
535	Vũ Khắc Thập	1966	Đông Cầu																						1	600,000	
536	Lã Văn Chiến	1973	BXD đảng																						1	600,000	
537	Vũ Thị Hải Hậu	1973	VP đảng ủy																						1	600,000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà	
538	Phan Đăng Nghị	1974	UBMTTQ xã																		1	600,000	
539	Nguyễn Văn Duyên	1972	HĐND xã																		1	600,000	
540	Nguyễn Văn Nhiệm	1969	HĐND xã																		1	600,000	
541	Đoàn Văn ái	1965	THCS Phạm Trấn																		1	600,000	
542	Phạm Văn Phó	1971	THCS Phạm Trấn																		1	600,000	
543	Nguyễn Quang Ngọc	1967	THCS Nhật Tân																		1	600,000	
544	Phạm Đăng Thuộc	1968	THCS Đồng Quang																		1	600,000	
545	Nguyễn Quý Khuông	1969	THCS Đồng Quang																		1	600,000	
546	Vũ Thị Khuyên	1973	TH Nhật Tân																		1	600,000	
547	Nguyễn Thị Thùy	1969	TH Nhật Tân																		1	600,000	
548	Đỗ Mạnh Thanh Hải	1964	TH Đồng Quang																		1	600,000	
549	Nguyễn Thị Thanh Toàn	1970	TH Đồng Quang																		1	600,000	
550	Đoàn Văn Tâm	1966	THCS Đức Xương																		1	600,000	
551	Bùi Thị Lực	1971	THCS Quang Minh																		1	600,000	

Trường Tân, ngày 27 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP

CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thân

Phạm Đình Khải

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỘ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG

NHÓM: A1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu; Danh hiệu	Nơi thường trú	Số tiền	Ghi chú
A	B	C	D		E	17	20
	Tổng cộng						
	Ví dụ						

Người lập biểu
(ký tên)

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

Đơn vị tính: đồng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI	THÀNH TIỀN	Ghi chú
A	B	1	2	3	
	Tổng cộng	551	51,250,000	387,250,000	
1	NHÓM A1	0	6,000,000	-	
2	NHÓM A2	0	6,000,000	-	
3	NHÓM A3	0	4,000,000	-	
4	NHÓM A4	2	4,000,000	8,000,000	
5	NHÓM A5	2	3,000,000	6,000,000	
6	NHÓM A6	0	2,000,000	-	
7	NHÓM B1	0	6,000,000	-	
8	NHÓM C1	0	7,000,000	-	
9	NHÓM C2	0	6,000,000	-	
10	NHÓM C3	0	1,500,000	-	
11	NHÓM C4	1	650,000	650,000	
12	NHÓM D1	1	2,000,000	2,000,000	
13	NHÓM D2	15	1,000,000	15,000,000	
14	NHÓM D3	131	800,000	104,800,000	
15	NHÓM D4	114	700,000	79,800,000	
16	NHÓM D5	285	600,000	171,000,000	

Người lập biểu
(ký tên)

Trường Tân, ngày 27 tháng 01 năm 2026

CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thân

Phạm Đình Khải

DANH SÁCH CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỘ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG

NHÓM: A1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/Danh hiệu	Số tiền	KÝ NHẬN	Ghi chú
1	2	3	6	4	5	7	8	9
	Tổng cộng							

Người lập biểu
(ký tên)

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

Đơn vị: đồng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI	THÀNH TIỀN	Ghi chú
A	B	1	2	3	
	Tổng cộng	551		387,250,000	
1	NHÓM A4	2	4,000,000	8,000,000	
2	NHÓM A5	2	3,000,000	6,000,000	
3	NHÓM C4	1	650,000	650,000	
4	NHÓM D1	1	2,000,000	2,000,000	
5	NHÓM D2	15	1,000,000	15,000,000	
6	NHÓM D3	131	800,000	104,800,000	
7	NHÓM D4	114	700,000	79,800,000	
8	NHÓM D5	285	600,000	171,000,000	

Người lập biểu
(ký tên)

Trường Tân, ngày 27 tháng 01 năm 2026
CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thân

Phạm Đình Khải

ED